

KẾ HOẠCH
Rà soát văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tỉnh năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đảm bảo thường xuyên, kịp thời trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Nhằm phát hiện quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

Hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản; không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát; kịp thời xử lý, kiến nghị xử lý kết quả rà soát; tuân thủ trình tự, thủ tục thực hiện rà soát theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng, phạm vi rà soát

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành đến hết ngày 31/12/2022.

2. Nội dung thực hiện

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên

- Rà soát theo văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP là văn bản được ban hành sau, có quy định liên quan đến văn bản được rà soát và thuộc một trong các trường hợp: Văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được rà soát; Văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản được rà soát.

- Rà soát căn cứ vào Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên sau thời điểm ban hành; Văn bản quy phạm pháp luật được rà soát căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội phải được các cơ quan, đơn vị thực hiện ngay khi có căn cứ theo Khoản 2 Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đảm bảo về nội dung, trình tự rà soát và xử lý kết quả rà soát theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực được quy định tại Điều 153, khoản 49 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Khoản 1, 2, 3 Điều 154 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và phải được lập danh mục theo mẫu số 03, 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và công bố theo quy định tại Điều 157 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Văn bản quy phạm pháp luật được xác định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần phải được đưa vào danh mục để công bố theo quy định tại Điều 157 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp công bố chậm nhất là 30/01/2023.

c) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực

Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo các chuyên đề, lĩnh vực mà các Bộ yêu cầu.

3. Thời gian thực hiện

a) Cấp tỉnh

Các sở, ban, ngành thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung điều chỉnh những vấn đề, thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình theo trình tự quy định và gửi kết quả về Sở Tư pháp: Chậm nhất là ngày 05/01/2023.

Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất là 30/01/2023.

b) Cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cùng cấp thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

Phòng Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố chậm nhất là 30/01/2023.

c) Cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp chậm nhất là ngày 30/01/2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi việc thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương rà soát và công bố danh mục rà soát; tổng hợp kết quả rà soát chung của cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

c) Có ý kiến trả lời về Hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành.

d) Chuẩn bị báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Các sở, ban, ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

b) Phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

c) Việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật phải được thiết lập hồ sơ và gửi Sở Tư pháp lấy ý kiến theo quy định tại Điều 153 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) Trình Hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát.

Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

đ) Lập dự toán kinh phí rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Bố trí biên chế và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Chỉ đạo Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh tạo điều kiện để các sở, ban, ngành tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc đối tượng được rà soát.

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Tổng hợp dự toán ngân sách chi cho hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo bố trí đủ kinh phí riêng cho hoạt động của công tác này.

5. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp và tạo điều kiện để các sở, ban, ngành tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc đối tượng được rà soát; phối hợp với sở, ban, ngành thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch này.

6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

c) Bố trí biên chế và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

d) Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch này; phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình thực hiện.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

b) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước. Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, bố trí vào dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VPUBND tỉnh: CVP, các PCVP; các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình